

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 428/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Số K, đường F, khu phố 5, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ích B, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1964; cùng hộ khẩu thường trú: Số M, khu phố 5, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Trần Ngọc A có mặt; bị đơn ông Nguyễn Ích B, bà Phạm Thị C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/02/2021, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà Trần Ngọc A) trình bày tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

Giữa bà Trần Ngọc A và bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B có mối quan hệ quen biết. Do do cầu cần vốn làm ăn nên bà C, ông B (giữa ông B và bà C có mối quan hệ là vợ chồng) có vay của bà A số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) thể hiện tại chứng cứ là “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020” và thời gian trả nợ là 01/10/2020. Đồng thời để làm tin thì phía ông B, bà C có giao cho bà A cầm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 381247, sổ vào sổ cấp GCN: 305 QSDĐ/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 26/11/2002 cho hộ (ông, bà) Nguyễn Ích B (bản chính). Phía bà A khẳng định nội dung “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020” là chữ viết của ông Nguyễn Ích B; sau khi lập văn bản trên thì ông Nguyễn Ích B và bà Phạm Thị C có đọc lại nội dung vay tiền và đồng ý ký tên, lăn tay bằng mực đỏ trên chứng cứ này. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán ngày 01/10/2020 thì phía bà C, ông B cứ hẹn lần, lượt không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết của mình nên ngày 06/10/2020, bà A làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc A vẫn giữ nguyên yêu cầu ông B, bà C liên đới thanh toán số tiền vay 700.000.000 đồng và tính tiền lãi suất phát sinh do Nhà nước quy định từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Quan hệ pháp luật của vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục. Việc bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án phía bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B có vay của bà Trần Ngọc A số tiền 700.000.000 đồng thể hiện tại chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020” và phù hợp với Kết luận giám định số 120/GĐ-PC09 ngày 09/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 700.000.000 đồng và lãi xuất cơ bản do Nhà nước quy định là hoàn toàn phù hợp với Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) và phù hợp với khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, nguyên đơn bà Trần Ngọc A khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B thanh toán số tiền vay

700.000.000 đồng căn cứ vào chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020”. Do đó, xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ ngày 13/10/2020 thể hiện phía bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số K, khu phố 5, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Bình Dương. Hiện tại phía vợ chồng ông B, bà C đang làm nghề buôn bán thịt bò tại khu vực T thuộc khu phố 5 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do là cố tình từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 16/9/2020, vợ chồng bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B có vay của bà Trần Ngọc A số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Khi vay tiền phía thì ông Nguyễn Ích B là người lập văn bản và hai vợ chồng đồng ý ký tên “Nghị” và ghi họ tên “Nguyễn Ích B”, ký tên “Huê” và ghi họ tên “Phạm Thị C” tại mục “Người mượn tiền” và lấn tay bằng mực đỏ trên chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020”. Đồng thời để làm tin thì phía ông B, bà C có giao cho bà A cầm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 381247, số vào sổ cấp GCN: 305 QSDĐ/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 26/11/2002 cho hộ (ông, bà) Nguyễn Ích B (bản chính). Mặc dù chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020” thể hiện thời gian trả nợ là tháng 10 năm 2020 nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn chỉ cho bị đơn vay số tiền trên trong thời hạn là 15 ngày (tức là đến ngày 01/10/2020) bị đơn phải thanh toán số tiền gốc và lãi theo quy định thỏa thuận. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán ngày 01/10/2020 thì phía bà C, ông B cứ hên lần, lượt không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết của mình nên ngày 06/10/2020, bà A làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký tên và dấu vân tay của bị đơn trên chứng cứ giấy mượn tiền ngày 16/9/2020. Tòa án huyện Dầu Tiếng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2021/QĐ-TCGD ngày 16/3/2021 giám định chữ ký tên và dấu vân tay của bị đơn tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Tại kết luận giám định số 120/GĐ-PC09 ngày 09/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Ích B” dưới mục “người mượn” trên “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020” so với chữ ký tên “Nguyễn Ích B” trên các tài liệu giám định là do cùng một người ký ra. Riêng đối với chữ viết họ tên và dấu vân tay mang tên “Phạm Thị C” dưới mục “Vợ” trên tài liệu cần

giám định thì Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng tiếp tục thu thập thêm mẫu chữ ký, chữ viết có sẵn và vân tay trực tiếp bà Phạm Thị C (không giới hạn mẫu) để giám định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn kháng định ngày 16/9/2020, hai vợ chồng ông B và bà C có đến nhà bà A với mục đích vay số tiền 700.000.000 đồng để làm ăn buôn bán bò, sau đó có đọc lại nội dung thì chính bà C là người ký tên, lấn tay vào “Giấy mượn tiền” trước mặt bà A. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng là hoàn toàn có thật và đến thời hạn thanh toán phía bà C, ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết của mình, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu liên đới thanh toán số tiền trên là phù hợp với Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc A tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét phần lãi suất cơ bản do Nhà nước quy định đối với số tiền gốc 700.000.000 đồng, tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 16/9/2020” có ghi nội dung tiền lãi thỏa thuận nhưng không thể hiện cụ thể là bao nhiêu. Khi đến thời hạn trả nợ, phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, xét nguyên nhân đây là lỗi cố ý của bị đơn là cố tình kéo dài vụ án, không hoàn trả tài sản đã nhận của người khác và nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần xem xét đến mức lãi suất phát sinh đối với số tiền gốc 700.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/6/2021 là 09 tháng 12 ngày. Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) và phù hợp với khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tiền lãi suất xác định như sau: $700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 09 \text{ tháng} = 52.290.000 \text{ đồng}$ và $700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ ngày} = 2.324.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi suất là $52.290.000 \text{ đồng} + 2.324.000 \text{ đồng} = 54.614.000 \text{ đồng}$. Từ những phân tích nêu trên, tổng số tiền bà C, ông B phải liên đới thanh toán cho bà A là 754.614.000 đồng (bao gồm 700.000.000 đồng tiền gốc và 54.614.000 đồng tiền lãi) và đồng thời bà A giao trả lại cho ông B, bà C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 381247, sổ vào sổ cấp GCN: 305 QSDĐ/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 26/11/2002 cho hộ (ông, bà) Nguyễn Ích B (bản chính).

[4] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự đối với tài sản là diện tích đất 1.354m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 381247, sổ vào sổ cấp GCN: 305 QSDĐ/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp ngày 26/11/2002 cho hộ (ông, bà) Nguyễn Ích B. Nguyên đơn đã thực hiện biện pháp bảo đảm nộp số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản

số 5504205225055 phong tỏa tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Y, tỉnh Bình Dương theo giấy nộp tiền và chứng từ giao dịch ngày 16/10/2020. Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thể hiện ngày 02/7/2020 phía ông Nguyễn Ích B có liên hệ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng để làm thủ tục đo đạc phần đất nêu trên với mục đích là đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời gian thực hiện lịch đo đạc là ngày 15/7/2020. Đến ngày 15/7/2020, cán bộ phụ trách đo đạc địa bàn thị trấn Dầu Tiếng là ông Nguyễn Văn Trường có tiến hành đo đạc theo yêu cầu của ông Nguyễn Ích B. Quá trình đo đạc thì Cán bộ đo đạc có lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của “Người sử dụng đất” có chữ ký tên của ông Nguyễn Ích B và các hộ liên ranh ký tên xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở xác định phía bị đơn cố tình làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thanh toán số tiền vay 700.000.000 đồng cho nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi tài sản của nguyên đơn. Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định số 19/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2020 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, để đảm bảo tài sản thi hành án của người có nghĩa vụ phải thi hành, Tòa án huyện Dầu Tiếng vẫn tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên và việc hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhận lại tài sản bảo đảm sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 khi đương sự có yêu cầu.

[5] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định: Số tiền 3.050.000 đồng và chi phí công tác đi lại 200.000 đồng. Tổng cộng là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bà A đã nộp xong theo phiếu thu số 01 ngày 09/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Do đó, bà C, ông B phải thanh toán lại cho bà A số tiền 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chi phí trích lục hồ sơ địa chính: Số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Trần Ngọc A tự nguyện chịu và đã nộp xong theo biên lai thu tiền ngày 17/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 68, 92, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà Trần Ngọc A đối với bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B.

Buộc bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trần Ngọc A số tiền 754.614.000 đồng (bao gồm 700.000.000 đồng tiền gốc và 54.614.000 đồng tiền lãi).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Bà Trần Ngọc A giao trả lại cho bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 381247, sổ vào sổ cấp GCN: 305 QSDĐ/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp ngày 26/11/2002 cho hộ (ông, bà) Nguyễn Ích B.

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định: Số tiền 3.050.000 đồng và chi phí công tác đi lại 200.000 đồng. Tổng cộng là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bà A đã nộp xong theo phiếu thu số 01 ngày 09/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Do đó, bà C, ông B phải thanh toán lại cho bà A số tiền 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chi phí trích lục hồ sơ địa chính: Số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Trần Ngọc A tự nguyện chịu và đã nộp xong theo biên lai thu tiền ngày 17/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Ích B phải chịu 34.184.560 đồng (ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm sáu mươi đồng).

- Hoàn trả cho bà Trần Ngọc A 16.871.500 đồng (mười sáu triệu tám trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045149 ngày 07/10/2020 và biên lai thu số AA/2016/0045718 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam